

Số: 449/TB-ĐHKTKTCN

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2021

THÔNG BÁO

V/v thu hồ sơ đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy theo hình thức
Xét kết quả học bạ THPT - Đợt 2 năm 2021

- Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

- Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2021, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thông báo thu hồ sơ đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy theo hình thức xét kết quả học bạ THPT – đợt 2 năm 2021 với các nội dung sau:

1. Thông tin ngành, tổ hợp đăng ký xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh tại 2 cơ sở Hà Nội và Nam Định:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Điểm điều kiện nộp hồ sơ	Tổ hợp đăng ký xét tuyển
I	Cơ sở Hà Nội		2.358		
1	7220201	Ngành Ngôn ngữ anh - Chuyên ngành Biên phiên dịch - Chuyên ngành Giảng dạy	185	≥ 21.50	A01, D01, D09 và D10
2	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Marketing - Chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	330	≥ 23.00	
3	7340121	Ngành Kinh doanh thương mại - Chuyên ngành Kinh doanh thương mại - Chuyên ngành Thương mại điện tử	70	≥ 21.75	
4	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng - Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp - Chuyên ngành Ngân hàng - Chuyên ngành Tài chính bảo hiểm - Chuyên ngành Đầu tư tài chính	335	≥ 20.75	A00; A01; C01 và D01
5	7340301	Ngành Kế toán - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp - Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn - Chuyên ngành Kế toán công - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	470	≥ 21.50	

6	7480102	Ngành Mạng máy tính và TTDL - Chuyên ngành Mạng máy tính & truyền thông dữ liệu - Chuyên ngành An toàn thông tin	45	≥ 21.50	A00; A01; C01 và D01	
7	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành Kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành Phát triển ứng dụng IoT	85	≥ 21.50		
8	7480201	Ngành Công nghệ thông tin - Chuyên ngành Công nghệ thông tin - Chuyên ngành Hệ thống thông tin - Chuyên ngành Truyền dữ liệu và mạng máy tính	200	≥ 22.50		
9	7510201	Ngành CNKT cơ khí - Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy - Chuyên ngành Máy và cơ sở thiết kế máy	50	≥ 21.00		
10	7510203	Ngành CNKT cơ điện tử - Chuyên ngành Kỹ thuật Robot - Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử - Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử trên Ô tô	50	≥ 22.00		
11	7510205	Ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô - Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô - Chuyên ngành Máy - Gầm ô tô - Chuyên ngành Điện - Cơ điện tử ô tô	30	≥ 21.50		
12	7510301	Ngành CNKT điện, điện tử - Chuyên ngành Điện dân dụng và công nghiệp - Chuyên ngành Hệ thống cung cấp điện - Chuyên ngành Thiết bị điện, điện tử	45	≥ 22.00		
13	7510302	Ngành CNKT điện tử – viễn thông - Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông - Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử	115	≥ 21.00		
14	7510303	Ngành CNKT điều khiển và tự động hoá - Chuyên ngành Tự động hóa công nghiệp - Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và hệ thống thông minh - Chuyên ngành Thiết bị đo thông minh	80	≥ 22.50		
15	7540202	Ngành Công nghệ sợi, dệt	20	≥ 19.00		
16	7540204	Ngành Công nghệ dệt, may - Chuyên ngành Công nghệ may - Chuyên ngành Thiết kế Thời trang	83	≥ 21.00		
17	7540101	Ngành Công nghệ thực phẩm - Chuyên ngành Công nghệ lên men - Chuyên ngành Công nghệ bảo quản và chế biến thực phẩm - Chuyên ngành Quản lý chất lượng thực phẩm	65	≥ 20.50		A00; A01; B00 và D07
18	7810103	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn	130	≥ 21.50		A00; A01; C00 và D01

II	Cơ sở Nam Định		975		
1	7220201	Ngành Ngôn ngữ anh - Chuyên ngành Biên phiên dịch - Chuyên ngành Giảng dạy	75	≥18.00	A01, D01, D09 và D10
2	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Marketing - Chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	135	≥18.50	A00; A01; C01 và D01
3	7340121	Ngành Kinh doanh thương mại - Chuyên ngành Kinh doanh thương mại - Chuyên ngành Thương mại điện tử	35	≥18.00	
4	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng - Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp - Chuyên ngành Ngân hàng - Chuyên ngành Tài chính bảo hiểm - Chuyên ngành Đầu tư tài chính	140	≥18.00	A00; A01; C01 và D01
5	7340301	Ngành Kế toán - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp - Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn - Chuyên ngành Kế toán công - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	190	≥18.00	
6	7480102	Ngành Mạng máy tính và TTDL - Chuyên ngành Mạng máy tính & truyền thông dữ liệu - Chuyên ngành An toàn thông tin	20	≥18.00	
7	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành Kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành Phát triển ứng dụng IoT	35	≥18.00	
8	7480201	Ngành Công nghệ thông tin - Chuyên ngành Công nghệ thông tin - Chuyên ngành Hệ thống thông tin - Chuyên ngành Truyền dữ liệu và mạng máy tính	65	≥19.00	
9	7510201	Ngành CNKT cơ khí - Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy - Chuyên ngành Máy và cơ sở thiết kế máy	20	≥18.00	
10	7510203	Ngành CNKT cơ điện tử - Chuyên ngành Kỹ thuật Robot - Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử - Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử trên Ô tô	20	≥18.50	
11	7510301	Ngành CNKT điện, điện tử - Chuyên ngành Điện dân dụng và công nghiệp - Chuyên ngành Hệ thống cung cấp điện - Chuyên ngành Thiết bị điện, điện tử	30	≥18.50	
12	7510302	Ngành CNKT điện tử – viễn thông - Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông - Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử	50	≥18.00	
13	7510303	Ngành CNKT điều khiển và tự động hoá - Chuyên ngành Tự động hóa công nghiệp - Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và hệ thống thông minh - Chuyên ngành Thiết bị đo thông minh	35	≥18.50	

14	7540202	Ngành Công nghệ sợi, dệt	10	≥18.00	A00; A01; C01 và D01
15	7540204	Ngành Công nghệ dệt, may - Chuyên ngành Công nghệ may - Chuyên ngành Thiết kế Thời trang	35	≥18.00	
16	7540101	Ngành Công nghệ thực phẩm - Chuyên ngành Công nghệ lên men - Chuyên ngành Công nghệ bảo quản và chế biến thực phẩm - Chuyên ngành Quản lý chất lượng thực phẩm	25	≥18.00	A00; A01; B00 và D07
17	7810103	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn	55	≥18.00	A00; A01; C00 và D01

Bảng mã tổ hợp các môn xét tuyển:

A00	Toán - Vật lý - Hóa học	D01	Toán - Anh văn - Ngữ văn
A01	Toán - Vật lý - Anh văn	D07	Toán – Hóa – Anh văn
B00	Toán - Sinh học - Hóa học	D09	Toán – Lịch sử - Anh văn
C01	Toán - Vật lý - Ngữ văn	D10	Toán – Địa lý – Anh văn
C00	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý		

2. Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Hạng kiểm các học kỳ xét tuyển đạt loại Khá trở lên;
- Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau:
 - ĐXT = HB1 + HB2 + HB3 + Điểm ưu tiên (nếu có)
 - Trong đó: HB1 là điểm trung bình các môn tổ hợp học kỳ 1 lớp 11; HB2 là điểm trung bình các môn tổ hợp học kỳ 2 lớp 11; HB3 là điểm trung bình các môn tổ hợp học kỳ 1 lớp 12.
 - Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển bằng 0
- Đối với ngành Ngôn ngữ anh điểm trung bình môn Anh văn trong các học kỳ xét tuyển đạt 6,50 điểm trở lên;

3. Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường hoặc nộp qua đường bưu điện bằng hình thức chuyển phát nhanh trước 17h00' ngày 25/08/2021 (tính theo dấu bưu điện).
- Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển trực tuyến trên website theo đường link: <http://xettuyen.uneti.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen-hoc-ba.html>

4. Lệ phí đăng ký xét tuyển: 30.000 đồng/nguyên vọng.

- Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT qua đường bưu điện phải nộp lệ phí ĐKXT vào tài khoản của Nhà trường, nếu không thực hiện thí sinh sẽ không được đưa vào danh sách xét tuyển;
- Số tài khoản của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhận lệ phí ĐKXT năm 2021: 11810008887888. ngân hàng BIDV - chi nhánh Bắc Hà.

Ghi chú: Nội dung chuyển tiền thí sinh cần ghi chính xác thông tin cá nhân như: Họ tên, ngày tháng năm sinh, số CMND hoặc Thẻ CCCD, lệ phí xét tuyển đại học hệ chính quy theo hình thức xét học bạ THPT...

5. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Nhà trường (thí sinh tải về từ website: www.uneti.edu.vn);

- 01 bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với học sinh tốt nghiệp năm 2021;

- 01 bản sao công chứng Học bạ THPT;

- 01 bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân;

- 01 phong bì đã dán tem ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh để Nhà trường thông báo kết quả;

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

6. Thời gian thông báo kết quả xét tuyển:

- Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành và từng cơ sở đào tạo.

- Dự kiến công bố kết quả đợt 2: Trước 17h00 ngày 26/08/2021.

7. Chính sách ưu tiên:

7.1. Thí sinh trúng tuyển nhập học được hưởng học bổng khuyến khích học tập, chính sách ưu tiên, ưu đãi theo quy định hiện hành;

7.2. Thí sinh được tùy chọn địa điểm học tập Hà Nội hoặc Nam Định theo nhu cầu của cá nhân. Nhà trường ưu tiên điểm xét tuyển **thấp hơn, giảm 10% học phí toàn khóa học** và miễn phí 500 chỗ ở KTX cho thí sinh trúng tuyển và nhập học tại cơ sở Nam Định;

7.3. Giảm 20% học phí năm học 2021 – 2022 cho thí sinh trúng tuyển và nhập học ngành Công nghệ sợi, dệt;

7.4. Giảm 10% học phí năm học 2021 – 2022 cho thí sinh trúng tuyển và nhập học ngành Công nghệ thực phẩm;

7.5. Năm học 2021 - 2022 Nhà trường áp dụng chính sách cấp “Học bổng khuyến khích tài năng” và “Học bổng hỗ trợ học tập” cho thí sinh trúng tuyển và nhập học trong kỳ tuyển sinh năm 2020, nhằm khuyến khích những thí sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, đồng thời tạo điều kiện cho thí sinh có thêm cơ hội và yên tâm học tập tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cụ thể.

7.5.1. Đối với học bổng Khuyến khích tài năng (Học bổng KKTN):

- *Nhóm 1:* Cấp 10 suất học bổng khuyến khích tài năng với mức bằng 140% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 theo chương trình đào tạo chuẩn cho thí sinh đạt hạnh kiểm Tốt 3 năm học THPT và đạt một trong những điều kiện sau:

+ Thành viên đội tuyển thi olympic quốc tế hoặc châu Á;

+ Thành viên đội tuyển thi khoa học kỹ thuật quốc tế hoặc châu Á;

+ Đạt giải nhất kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

- *Nhóm 2:* Cấp 20 suất học bổng khuyến khích tài năng với mức bằng 120% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 theo chương trình đào tạo chuẩn cho thí sinh đạt hạnh kiểm Tốt 3 năm học THPT và đạt một trong những điều kiện sau:

- + Đạt giải nhì/ ba kỳ thi học sinh giỏi (HSG) cấp quốc gia;
- + Đạt giải nhất/ nhì/ ba kỳ thi khoa học kỹ thuật (KHKT) cấp quốc gia;
- + Đạt giải nhất/ nhì/ ba kỳ thi thể thao/ văn nghệ cấp quốc gia.

7.5.2. Đối với học bổng hỗ trợ học tập (Học bổng HTHT):

Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 nằm trong số 10% sinh viên có điểm cao nhất trúng tuyển và nhập học theo từng ngành đào tạo. Có điểm trung bình mỗi môn trong tổ hợp 3 môn xét tuyển vào Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp của ba năm học THPT đạt từ 7,0 trở lên; Hạnh kiểm đạt loại Tốt. Ưu tiên thí sinh thuộc đối tượng hộ nghèo, có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn; thuộc đối tượng hộ cận nghèo, mồ côi, sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn;...

- *Nhóm 1:* Cấp 100 suất học bổng hỗ trợ học tập với mức bằng 100% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 theo chương trình đào tạo chuẩn;

- *Nhóm 2:* Cấp 350 suất học bổng hỗ trợ học tập với mức bằng 50% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 theo chương trình đào tạo chuẩn;

- *Nhóm 3:* Cấp 450 suất học bổng hỗ trợ học tập với mức bằng 25% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 theo chương trình đào tạo chuẩn.

Số lượng suất học bổng được phân chia cho các ngành dự kiến như sau:

TT	Ngành	Số suất học bổng dự kiến					Cộng
		Học bổng KKTN		Học bổng HTHT			
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	
1	Kế toán	1	2	10	45	40	98
2	Quản trị kinh doanh	1	2	10	35	40	88
3	Tài chính - Ngân hàng	1	1	6	30	30	68
4	Kinh doanh thương mại	0	1	5	15	20	41
5	Công nghệ sợi, dệt	0	1	3	10	10	24
6	Công nghệ dệt, may	0	1	7	20	30	58
7	Công nghệ thực phẩm	0	1	5	20	30	56
8	Công nghệ thông tin	1	1	7	30	35	74
9	CN kỹ thuật ĐK và tự động hóa	1	1	7	30	35	74
10	CN kỹ thuật điện, điện tử	1	1	5	10	20	37
11	CN kỹ thuật điện tử - viễn thông	1	2	5	30	35	73
12	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	1	1	7	30	35	74
13	Mạng MT và truyền thông DL	1	1	5	10	20	37
14	CN kỹ thuật cơ điện tử	1	1	5	10	20	37
15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	0	1	5	10	20	36
16	Ngôn ngữ Anh	0	1	5	10	20	36
17	Quản trị dịch vụ DL và lữ hành	0	1	3	5	10	19
Cộng		10	20	100	350	450	930

Ghi chú:

- Số suất học bổng được phân chia cho các ngành sẽ thay đổi theo số lượng thực tế tuyển sinh của từng ngành nhưng tổng số suất học bổng là không thay đổi.

- Chi tiết các nội dung về điều kiện xét học bổng được quy định tại Thông báo số: 134/TB-ĐHKTKTCN ngày 21/03/2021 của Hiệu trưởng Nhà trường.

8. Các mô hình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội dành cho sinh viên: Nhà trường tạo điều kiện cho các Sinh viên đăng ký các lớp theo nhu cầu cụ thể như sau:

8.1. Mô hình đào tạo song song hai chương trình: Nhà trường triển khai đào tạo song song hai chương trình, sinh viên có đủ điều kiện được tham gia học tập ngành đào tạo thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai bằng đại học hệ chính quy.

8.2. Mô hình đào tạo theo chuyên ngành: Sinh viên được đăng ký học các chuyên ngành nếu đủ số lượng để mở lớp.

8.3. Mô hình đào tạo, tổ chức lớp chất lượng:

8.3.1. Về nội dung chương trình dạy học:

- Được trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp nâng cao về chuyên môn, đặc biệt kỹ năng mềm với tổng số tín chỉ bổ sung khoảng 10-15 tín chỉ;

- Được đào tạo theo chương trình nâng cao về tiếng Anh để đạt Chuẩn đầu ra 550 điểm TOEIC quốc tế với tổng số tín chỉ bổ sung khoảng 12 tín chỉ;

- Được đào tạo theo chương trình nâng cao về Công nghệ thông tin để đạt Chuẩn đầu ra chứng chỉ Tin học quốc tế MOS với tổng số tín chỉ bổ sung khoảng 3 tín chỉ;

- Được tạo điều kiện, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, tham gia các câu lạc bộ chuyên môn, tham gia các cuộc thi sinh viên giỏi, tham gia các cuộc thi về Ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp...;

- Được ưu tiên tham gia các chương trình hợp tác đào tạo giữa Nhà trường - Doanh nghiệp; được ưu tiên giới thiệu đi thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; được tạo điều kiện, hỗ trợ tham gia các chương trình hợp tác đào tạo quốc tế của Nhà trường như chương trình trao đổi sinh viên, chương trình thực tập sinh quốc tế;

- Được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng kỹ sư đối với các ngành khối công nghệ;

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên được tư vấn, hỗ trợ giới thiệu việc làm tại những doanh nghiệp có hợp tác đào tạo với Nhà trường.

8.3.2. Về đội ngũ giảng viên: Được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm, uy tín trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học;

8.3.3. Về các điều kiện cơ sở vật chất:

- Số lượng sinh viên của lớp học thông thường khoảng 30 sinh viên (trong trường hợp đặc biệt có thể tăng thêm nhưng không quá 35 sinh viên);

- Được bố trí lớp học với đầy đủ trang thiết bị dạy học hiện đại, phòng Lab, phòng thực hành, thí nghiệm; được trang điều hòa (trong mùa hè), internet...;

- Được cung cấp tài liệu học tập miễn phí;

8.3.4. Về kinh phí đào tạo: Sinh viên đóng bổ sung một phần để hỗ trợ chi phí đào tạo, cụ thể như sau:

- 20%-30% tăng thêm so với chương trình đại trà;

- Chi phí đối với các học phần tăng cường (do sinh viên lựa chọn).

8.4. Mô hình đào tạo hợp tác doanh nghiệp: Sinh viên có cơ hội được doanh nghiệp tuyển dụng, hỗ trợ học phí và học tập tại doanh nghiệp ngay từ năm thứ 3 theo chương trình hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp;

8.5. Mô hình đào tạo hợp tác Quốc tế: Sinh viên có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi sinh viên, du học, thực tập sinh... tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan cụ thể như sau.

8.5.1. Chương trình đào tạo chuyển tiếp 2+2 với Trường Đại học Bách Khoa, Hàn Quốc:

a. *Ngành đào tạo:* Quản trị kinh doanh; Công nghệ kỹ thuật Cơ khí; Công nghệ kỹ thuật Cơ Điện tử; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông.

b. *Hình thức đào tạo:*

- Sinh viên sẽ học 02 năm tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, sau đó chuyển tiếp học 02 năm cuối tại Trường Đại học Bách khoa Hàn Quốc;

- Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên sẽ được cấp bằng của Trường Đại học Bách khoa Hàn Quốc.

8.5.2. Chương trình liên kết đào tạo 2+2 với Trường Đại học Minh Truyền, Đài Loan:

a. *Ngành đào tạo:* Quản trị kinh doanh.

b. *Hình thức đào tạo:*

- Sinh viên sẽ học 02 năm tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, sau đó chuyển tiếp học 02 năm cuối tại Trường Đại học Minh Truyền, Đài Loan;

- Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên sẽ được cấp bằng Kinh doanh thương mại quốc tế của Trường Đại học Minh Truyền, Đài Loan.

9. Địa chỉ liên hệ nộp hồ sơ ĐKXT: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông

- Cơ sở Hà Nội:

+ Nhà HA3, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Ngõ 454, Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

+ Phòng 102 nhà HA8, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Số 218 Đường Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội.

- Tầng 1 nhà NA2, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Số 353, Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định.

- Điện thoại: 02436331854; Hotline: 0962698288

- Email: tuyensinh@uneti.edu.vn

- Website: www.uneti.edu.vn ; www.tuyensinh.uneti.edu.vn

Nơi gửi:

- Website trường;
- Các đơn vị trong và ngoài trường;
- Các trường THPT;
- Lưu VT, TS&TT.

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐQT

(*đã ký*)

TS. Trần Hoàng Long